**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Mẫu 01B/HĐTD-HSX-HMTD**

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

**Số <HDV\_MA\_HD\_VAY>/HĐTD**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Theo thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày <HDV\_NGAY>, tại <CHI\_NHANH\_TEN\_PGD\_VIET\_THUONG>, chúng tôi gồm:

**BÊN CHO VAY (Bên A):**

**<CHI\_NHANH\_TEN\_CN\_DAY\_DU>.**

Trụ sở tại: <CHI\_NHANH\_DIA\_CHI>.

Mã số thuế : <CHI\_NHANH\_MST>.

Điện thoại: <HDV\_DIEN\_THOAI\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>; Fax: <HDV\_FAX\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>.

Người đại diện là <HDV\_DANH\_XUNG\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK> <HDV\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK> - Chức vụ: <HDV\_CHUC\_VU\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>.

<HDV\_GIAY\_UY\_QUYEN\_HDTV><HDV\_GIAY\_UY\_QUYEN\_AGRIBANK>.

**2. BÊN VAY (Bên B)**

**Ông <KHV\_HGD\_TEN\_CHONG> -** Năm sinh: <KHV\_HGD\_NS\_CHONG>.

CMND số: <KHV\_HGD\_CMND\_CHONG> do <KHV\_HGD\_NOI\_CAP\_CMND\_CHONG> cấp ngày <KHV\_HGD\_NGAY\_CAP\_CMND\_CHONG>.

Hộ khẩu thường trú: <KHV\_HGD\_HKTT\_CHONG>.

Địa chỉ liên hệ: <KHV\_HGD\_DC\_CHONG>.

**Bà <KHV\_HGD\_TEN\_VO> -** Năm sinh: <KHV\_HGD\_NS\_VO>.

CMND số: <KHV\_HGD\_CMND\_VO> do <KHV\_HGD\_NOI\_CAP\_CMND\_VO> cấp ngày <KHV\_HGD\_NGAY\_CAP\_CMND\_VO>.

Hộ khẩu thường trú: <KHV\_HGD\_HKTT\_VO>.

Địa chỉ liên hệ: <KHV\_HGD\_DC\_VO>.

<KHV\_HGD\_DKKD>

***Hai bên thống nhất việc bên A cho bên B vay tiền theo nội dung thỏa thuận dưới đây:***

**Điều 1. Phương thức cho vay, hạn mức cho vay**

**-** Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng.

- Hạn mức dư nợ tối đa: <HDV\_TONG\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG> đồng.

Bằng chữ: <HDV\_TONG\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG\_BANG\_CHU>đồng.

Số tiền cho vay cụ thể được tính cho từng lần rút vốn theo chứng từ chi tiền.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm sau khi xác định lại nếu thấp hơn so với lần định giá trước liền kề mà giá trị tài sản không đủ bảo đảm theo quy định của Agribank thì mức cho vay hoặc dư nợ cũng giảm theo tương ứng.

**Điều 2. Mục đích sử dụng tiền vay**

Mục đích sử dụng tiền vay: <HDV\_MUC\_DICH\_VAY>.

**Điều 3. Đồng tiền cho vay, trả nợ**

1. Bên A cho Bên B vay bằng VND.

2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền Bên A cho Bên B vay.

**Điều 4. Thời hạn hạn mức, kỳ hạn trả nợ**

- Thời hạn hiệu lực của HMTD: <HDV\_THOI\_HAN\_VAY>. Thời hạn hiệu lực cuối cùng vào ngày <HDV\_HAN\_TRA\_NO\_CUOI>.

- Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay thực hiện theo từng giấy nhận nợ.

**Điều 5. Trả nợ gốc, lãi tiền vay**

1. Trả nợ gốc tiền vay: Được thỏa thuận trong từng giấy nhận nợ. Bên A chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Agribank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được trước hạn khi Agribank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 và Bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn theo thỏa thuận tại điểm 4, điều 7 hợp đồng này.

2. Trả lãi tiền vay: <HDV\_PHUONG\_THUC\_TRA\_LAI>. Nếu Bên B không trả lãi đúng hạn và không được Bên A chấp thuận cho cơ cấu lại nợ thì Bên B phải trả lãi chậm trả theo thỏa thuận tại điểm 5, điều 7 hợp đồng này.

**Điều 6. Bảo đảm tiền vay**

- Áp dụng bảo đảm tiền vay: <HDV\_BAO\_DAM\_TIEN\_VAY>.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: <HDV\_HINH\_THUC\_BAO\_DAM>.

- Tài sản bảo đảm là: <HDV\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM>.

- Giá trị tài sản bảo đảm: <HDV\_GIA\_TRI\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM> đồng. (Bằng chữ: <HDV\_GIA\_TRI\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM\_BANG\_CHU>đồng).

- Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng <HDV\_HOP\_DONG\_THE\_CHAP>.

**Điều 7. Lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả lãi, phí**

1. Mức lãi suất: <HDV\_LAI\_SUAT> trên nợ gốc tính theo số dư nợ vay thực tế trong thời gian duy trì số dư nợ vay.

2. Phương thức áp dụng: Lãi suất điều chỉnh.

Phương pháp xác định lãi suất điều chỉnh: Thực hiện theo quy định của Bên A và được công bố công khai tại trụ sở Bên A, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

3. Thời điểm xác định lãi suất điều chỉnh: Hàng quý, định kỳ vào ngày 05 tháng đầu quý, Bên A được quyền điều chỉnh lãi suất cho vay bằng với mức lãi suất do Bên A quy định tại thời điểm điều chỉnh đối với số dư còn lại của hợp đồng tín dụng này. Bên A sẽ thông báo cho Bên B về việc áp dụng lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh thay cho việc 2 bên phải ký kết các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng tín dụng này.

4. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận hoặc điều chỉnh trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn trả.

5. Khi Bên B chậm trả lãi theo thỏa thuận thì Bên B phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Bên A thực hiện thu phí theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Agribank trong từng thời kỳ. Việc thu phí được thông báo công khai về loại phí, mức phí cụ thể tại trụ sở của Bên A.

**Điều 8. Giải ngân vốn vay**

Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng, Bên A chỉ thực hiện giải ngân tiền vay cho Bên B căn cứ theo khả năng nguồn vốn cho vay của Bên A tại thời điểm Bên B có nhu cầu và Bên B đáp ứng các điều kiện sau:

- Bên B thực hiện đầy đủ các cam kết nêu tại hợp đồng này.

- Giá trị tài sản thế chấp đủ bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán nợ (bao gồm dư nợ cũ và nợ phát sinh mới).

- Bên B sử dụng các phương tiện thanh toán theo quy định của NHNN và hướng dẫn của Agribank.

Mỗi lần nhận tiền vay Bên B lập một giấy nhận nợ gửi Bên A kèm theo chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn phù hợp với mục đích trong hợp đồng này. Giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời hợp đồng tín dụng này.

**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**1. Bên B có quyền**

a) Nhận đầy đủ tiền vay theo thỏa thuận giữa Bên B và Bên A;

b) Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với thoả thuận về quyền của Bên A tại khoản 1 Điều 10 của hợp đồng tín dụng này.

c) Khiếu nại, khởi kiện việc Bên A vi phạm điểm a và b khoản 2 Điều 10 hợp đồng này và vi phạm khác về cho vay theo quy định của pháp luật.

d) Yêu cầu Bên A thông báo lý do quyết định không/tạm dừng/chấm dứt cho vay.

**2. Bên B có nghĩa vụ**

a) Cung cấp cho Bên A đầy đủ bộ hồ sơ pháp lý, kinh tế và hồ sơ vay vốn theo quy định của Bên A.

b) Cung cấp cho Bên A các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

c) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo hợp đồng này;

d) Các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay;

đ) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đúng thời hạn đã thỏa thuận với Bên A;

e) Thực hiện các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Bên A về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình tài sản bảo đảm tiền vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên B;

g) Phối hợp với Bên A để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

h) Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Bên A thì Bên B có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Bên A bằng nguồn vốn khác;

i) Thực hiện các thỏa thuận, cam kết khác nêu trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay;

k) Thực hiện các quyết định của Bên A khi vi phạm các khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

**1.Bên A có quyền**

a) Từ chối các yêu cầu của Bên B không đúng với quy định của pháp luật, thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng này, hoặc Bên A không đủ nguồn vốn để cho vay;

b) Kiểm tra, giám sát quá trình việc sử dụng vốn vay, trả nợ của Bên B;

c) Xem xét quyết định tạm ngừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp:

- Khi phát hiện Bên B vi phạm khoản 2 Điều 9 hợp đồng này.

- Các trường hợp khác có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên B.

d) Khi đến hạn mà Bên B không trả nợ hoặc dư nợ của Bên B phải chuyển sang nhóm nợ cao hơn theo thông báo của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì Bên A có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thoả thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

đ) Miễn, giảm lãi tiền vay, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ theo quy định của NHNN và của Agribank. Việc khoanh nợ, xóa nợ theo quy định của Chính phủ, NHNN và hướng dẫn của Agribank;

e) Khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm trước pháp luật khi: Bên B vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc các vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

f) Được quyền trích tài khoản tiền gửi của Bên B tại các chi nhánh thuộc Agribank, đề nghị trích tài khoản tiền gửi của Bên B tại các TCTD khác để thu nợ đến hạn, quá hạn.

**2. Bên A có nghĩa vụ**

a) Cung cấp cho Bên B đầy đủ các thông tin trước khi xác lập hợp đồng tín dụng về: Thẩm quyền cho vay, lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay;

b) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng này;

c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 11. Sử dụng sản phẩm dịch vụ Ngân hàng:**

Ngoài việc cấp tín dụng, khách hàng cam kết sử dụng các sản phẩm tiện ích khác của Agribank**.**

**Điều 12. Các cam kết, thoả thuận khác**

1. Các bên tôn trọng và cam kết thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng này và các tài liệu được coi là bộ phận không thể tách rời hợp đồng này, gồm: Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng này, hợp đồng thế chấp/cầm cố, lịch trả nợ, lịch giải ngân, giấy nhận nợ và các thông báo của Bên A còn hiệu lực.

2.Tất cả điều khoản và từng phần của các điều khoản của hợp đồng này sẽ có hiệu lực riêng rẽ và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo pháp luật Việt Nam, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành các điều khoản còn lại của hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Tại hợp đồng này, Bên B thống nhất cử <KHV\_HGD\_DAI\_DIEN> là người trực tiếp giao dịch với bên A nhằm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên B theo hợp đồng này.

<HDV\_HD\_VAY\_CU>

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng**

Khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung điều khoản nào của hợp đồng này thì gửi đề xuất tới bên kia bằng văn bản. Nếu bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung điều khoản đó.

**Điều 14. Cam kết chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng tín dụng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Nếu không tự giải quyết được hai bên đưa ra giải quyết tại tòa án nơi Bên A đóng trụ sở.

2. Hai bên cam kết đã cung cấp cho nhau đầy đủ, chính xác các thông tin có liên quan trước khi thỏa thuận thống nhất các nội dung và toàn bộ các nội dung hợp đồng này đã được đọc cho cả hai bên cùng nghe trước khi hai bên cùng ký.

**Điều 15. Hiệu lực của hợp đồng**

1.Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho Bên A (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan).

2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |